

Số: /GPMT-KCNKKT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Kỹ thuật Muro Việt Nam tại văn bản số 22.12/MVN ngày 22/12/2025 về việc giải trình, chỉnh sửa các nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án sản xuất của Công ty TNHH Kỹ thuật Muro Việt Nam tại Lô 207, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Kỹ thuật Muro Việt Nam (sau đây gọi là Chủ cơ sở) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “*Nhà máy sản xuất các loại khuôn dập bằng thép, quy mô 1.500 khuôn/năm (tương đương 50 tấn sản phẩm/năm), sản xuất các sản phẩm từ khuôn dập, quy mô 90.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 2.500 tấn sản phẩm/năm) và sản xuất các linh kiện, phụ kiện trong khuôn dập, quy mô 10.000 sản phẩm/năm (tương đương 10 tấn sản phẩm/năm)*” tại lô 207, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH Kỹ thuật Muro Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 207, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp Công ty TNHH, mã số doanh nghiệp 3600725250 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai (nay là Sở Tài Chính) cấp lần đầu ngày 16 tháng 3 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10 tháng 5 năm 2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 2160951992 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai (nay là Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai) chứng nhận lần đầu ngày 16 tháng 3 năm 2005, thay đổi lần thứ 10 ngày 23 tháng 4 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 3600725250.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các loại khuôn dập bằng thép, sản xuất các sản phẩm từ khuôn dập, sản xuất các linh kiện, phụ kiện trong khuôn dập.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: diện tích 26.000 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Cơ sở có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm II (theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Công suất:

a) Sản xuất các loại khuôn dập bằng thép, quy mô 1.500 khuôn/năm (tương đương 50 tấn sản phẩm/năm);

b) Sản xuất các sản phẩm từ khuôn dập, quy mô 90.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 2.500 tấn sản phẩm/năm);

c) Sản xuất các linh kiện, phụ kiện trong khuôn dập, quy mô 10.000 sản phẩm/năm (tương đương 10 tấn sản phẩm/năm).

(Lưu ý: Đối với mục tiêu sản xuất và lắp ráp thiết bị siết đinh ốc liên hoàn, quy mô 2.000 sản phẩm/năm (tương đương 10 tấn sản phẩm/năm); Thiết kế khuôn dập, các sản phẩm bằng thép từ khuôn dập và thiết bị siết đinh ốc liên hoàn, quy mô 3.000 bản vẽ/năm không thuộc phạm vi đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở).

- Quy trình sản xuất:

(1) Quy trình sản xuất các loại khuôn dập bằng thép: Nguyên liệu thép khối → Cắt → Tạo hình → Tiện/phay/khoan → Xử lý nhiệt (thực hiện bên ngoài) → Gia công lỗ (Cắt/phóng điện) → Mài bề mặt/Mài trục → Kiểm tra lần cuối → Đóng gói, lưu kho.

(2) Quy trình sản xuất các sản phẩm từ khuôn dập: Nguyên liệu thép tấm → cắt → dập tạo hình → Đánh bavor → Ủ mềm → hàn → Kiểm tra lần cuối → Đóng gói, lưu kho.

(3) Quy trình sản xuất các linh kiện, phụ kiện trong khuôn dập: Nguyên liệu thép khối → Cắt → Tạo hình → Tiện/phay/khoan → Xử lý nhiệt (thực hiện bên ngoài) → Gia công lỗ (Cắt/phóng điện) → Mài bề mặt/Mài trục → Kiểm tra → Đóng gói, lưu kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ cơ sở:

1. Chủ cơ sở có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ cơ sở có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng

ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày tháng năm 2036).

Điều 4. Giao Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Long Bình;
- Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa;
- Chủ cơ sở (thực hiện);
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Website Ban Quản lý các KCN, KKT;
- Lưu: VT, MT (P).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phạm Việt Phương

PHỤ LỤC 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNKKT
ngày tháng năm 2026 của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp,
Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải sau xử lý đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Bình (Amata), không thải ra môi trường.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn được đưa về hệ thống xử lý nước thải cục bộ, công suất thiết kế 12 m³/ngày đêm, sau đó theo hệ thống thoát nước thải của cơ sở để đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Long Bình (Amata) (tại 01 điểm đầu nối trên đường Amata).

- Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa dầu bám dính, pha trộn với dung dịch mài, rửa thùng, khay đựng, quá trình cắt dây đồng, ~~quá trình cắt dây đồng~~ và hoạt động vệ sinh nhà xưởng của cơ sở được đưa về hệ thống xử lý nước thải cục bộ, công suất thiết kế 20 m³/ngày đêm và sau đó được đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Bình (Amata) (tại 01 điểm đầu nối trên đường Amata).

- Chủ cơ sở chịu trách nhiệm xử lý nước thải đảm bảo đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Long Bình (Amata) trước khi đầu nối theo biên bản thỏa thuận đầu nối giữa Chủ cơ sở và Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa (Đơn vị chủ đầu tư hạ tầng KCN Long Bình (Amata)) tại Phụ lục hợp đồng số 02 - Hợp đồng thuê bất động sản ngày 28 tháng 11 năm 2024.

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN: Phải đạt giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Long Bình (Amata) theo thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

1.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt (ứng với nguồn số 01), bao gồm nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân của công nhân viên, lao động (văn phòng, nhà xưởng) và nước thải từ nhà ăn (ứng với nguồn số 02). Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 31 m³ (gồm 02 bể tự hoại thể tích 13 m³/bể tại khu vực văn phòng và 01 bể tự hoại thể tích 5 m³ tại khu vực nhà bảo vệ) cùng với nước thải nhà ăn sau khi qua bể lắng dầu mỡ sẽ theo đường

ống PVC D200, dài khoảng 120 m, dẫn nước thải về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Nhà máy với công suất thiết kế là $12 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm trước khi đầu nối ra 01 điểm đầu nối trên Đường Amata vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Bình (Amata).

- Nước thải sản xuất từ công đoạn rửa dầu bám dính, pha trộn với dung dịch mài, rửa thùng, khay đựng, quá trình cắt dây đồng (ứng với nguồn số 03) và hoạt động vệ sinh nhà xưởng (ứng với nguồn số 04) theo đường ống PVC D150, dài khoảng 4 m, dẫn nước thải về hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Nhà máy với công suất thiết kế là $20 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải và sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Bình (Amata).

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải cục bộ của Nhà máy sẽ theo ống PVC D150, dài 22,1 m về hố ga đầu nối trên đường Amata, sau đó theo hệ thống thu gom nước thải đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Bình (Amata) để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

1.1.2. Vị trí đầu nối nước thải:

- Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sẽ theo đường ống PVC D150 dẫn ra điểm đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Bình (Amata) tại 01 điểm đầu nối. Vị trí điểm đầu nối: điểm đầu nối trên đường Amata của KCN Long Bình (Amata) (*tọa độ: $X=1.210.228$; $Y=406.433$ - theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°*).

1.1.3. Lưu lượng đầu nối nước thải lớn nhất:

- Nước thải sinh hoạt: lưu lượng tối đa $7,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nước thải sản xuất: lưu lượng tối đa $11 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Phương thức xả thải: Tự chảy (24/24 giờ).

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: Phải đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Long Bình (Amata) theo thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa (Đơn vị chủ đầu tư hạ tầng KCN Long Bình (Amata)) theo Phụ lục hợp đồng số 02 - Hợp đồng thuê bất động sản ngày 28 tháng 11 năm 2024.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại.

Công ty đã xây dựng 03 bể tự hoại với tổng thể tích là 31 m^3 .

1.2.2. 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế: $12 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Nước thải sinh hoạt (sau khi qua bể tự hoại ba ngăn) + Nước thải nhà ăn (sau khi qua bể tách dầu) → Bể gom → Bể điều hòa → Ngăn selector bể SBR →

Bể hiếu khí SBR → Đầu nối vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Bình (Amata).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dinh dưỡng (đường Dextrose Monohydrate).

1.2.3. 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế: 20 m³/ngày.

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Nước thải sản xuất → Song chắn rác → Bể điều hòa → Thiết bị tuyển nổi kết hợp lắng → Bồn chứa trung gian → Thiết bị lọc áp lực → Đầu nối vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Bình (Amata).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Polymer, NaOH, H₂SO₄.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước, và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố nguy cấp, nhà máy sẽ ngưng hoạt động và liên hệ ngay với Đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải để thỏa thuận xử lý kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 12 m³/ngày (Dòng nước thải số 01 và 02).

- 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế: 20 m³/ngày (Dòng nước thải số 03 và 04). Hệ thống này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu tại văn bản số 2912/STNMT-CCBVM ngày 22 tháng 8 năm 2012 do đó hệ thống xử lý nước thải này không thuộc đối tượng phải vận hành.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 12 m³/ngày.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải (03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Long Bình (Amata) và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo thỏa thuận với đơn vị chủ đầu tư hạ tầng KCN Long Bình (Amata) (Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa), không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Bình (Amata) để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNKKT
ngày tháng năm 2026 của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp,
Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do cơ sở không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

- Trong trường hợp có phát sinh bụi, khí thải phải xử lý: Chủ dự án có trách nhiệm bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý toàn bộ bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án (nếu có) đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 1,0$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn thải) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT.

- Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán bụi.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

- Thực hiện các biện pháp khống chế, giảm thiểu mùi khó chịu (nếu có) hoặc gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNKKT
 ngày tháng năm 2026 của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp,
 Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của các máy đập.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của các máy mài.
- Nguồn số 03: Từ hoạt động của các máy tiện.
- Nguồn số 04: Từ hoạt động của máy nén khí (Xưởng GĐ1).
- Nguồn số 05: Từ hoạt động của máy nén khí (Xưởng GĐ3).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của các máy đập: tọa độ X= 1.210.247; Y= 406.482.

- Nguồn số 02: Từ hoạt động của các máy mài: tọa độ X= 1.210.215; Y= 406.489.

- Nguồn số 03: Từ hoạt động của các máy tiện: tọa độ X= 1.210.191; Y= 406.496.

- Nguồn số 04: Từ hoạt động của máy nén khí (Xưởng GĐ1): tọa độ X= 1.210.179; Y= 406.514.

- Nguồn số 05: Từ hoạt động của máy nén khí (Xưởng GĐ3): tọa độ X= 1.210.276; Y= 406.516.

3. Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BNMT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT.

QCVN 26:2025/BNMT			QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 18 giờ (dBA)	Từ 18 giờ đến 22 giờ (dBA)	Từ 18 giờ đến 22 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) - dBA		
70	65	60	8	85	-	Khu vực E

4. Độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2025/BNNTMT.

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 22 giờ	Từ 22 giờ đến 6 giờ		
75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNKKT
ngày tháng năm 2026 của Trưởng ban Quản lý các Khu công nghiệp,
Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	Rắn	61
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	NH	Lỏng	9.980
3	Pin ắc quy	19 06 05	NH	Rắn	320
4	Nhựa trao đổi ion	12 06 01	NH	Rắn	850
5	Nước thải từ quá trình mài	07 03 04	NH	Lỏng	600
Tổng khối lượng chất thải phát sinh dự kiến					11.811

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Thùng giấy carton, giấy vụn văn phòng	18 01 05	TT-R	Rắn	1.800.000
2	Sắt, thép vụn	18 01 08	TT	Rắn	515.450.000
3	Palet gỗ hư	12 08 08	TT-R	Rắn	350.000
4	Nylon, nhựa PE, PP,...thải	18 01 06	TT-R	Rắn	1.400.000
5	Hộp mực in văn phòng thải	08 02 04	TT	Rắn	80.000

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
6	Bùn từ bể tự hoại, cống rãnh, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 13	TT	Bùn	900.000
Tổng khối lượng chất thải phát sinh dự kiến					519.980.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải thực phẩm	14,39
2	Chất thải sinh hoạt khác	7,21
Tổng khối lượng chất thải phát sinh dự kiến		21,60

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì mềm thải dính CTNH	18 01 01	KS	Rắn	1.000
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	KS	Rắn	1.200
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	KS	Rắn	30
4	Bao tay, giẻ lau, vải thấm nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	Rắn	2.000
5	Hộp mực in thải	08 02 04	KS	Rắn	120
6	Bùn thải từ quá trình xử lý hoá lý	12 02 02	KS	Bùn	630
7	Vật liệu và vật thể mài, đá đánh bóng	07 03 10	KS	Rắn	2.650
8	Mạt kim loại, bavia thải	07 03 11	KS	Rắn, Bùn	550
9	Que hàn thải	07 04 01	KS	Rắn	20
Tổng khối lượng chất thải phát sinh dự kiến					8.200

Ghi chú: Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích khu vực lưu chứa: diện tích 50 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có mái che, nền được gia cố chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, bao nilon, thùng carton.

2.2.2. Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: diện tích 110 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: mái che, nền chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 80 lít đặt tại khu vực phát sinh sau đó chuyển vào thùng chứa dung tích 660 lít tại khu vực tập kết rác sinh hoạt trong kho chứa chất thải công nghiệp thông thường.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành của cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

4. Các nội dung khác:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; có trách nhiệm công khai và thông báo cho Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa, Ủy ban nhân dân phường Long Bình về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa, Ủy ban nhân dân phường Long Bình (nơi xảy ra sự cố) và Ban chỉ huy phòng thủ dân sự để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a khoản 4

Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Chủ cơ sở chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNKKT
ngày tháng năm 2026 của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp,
Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; xây dựng; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với người lao động làm việc cho cơ sở; đồng thời thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.

4. Thực hiện chương trình quản lý, quan trắc, giám sát môi trường theo nội dung được cấp giấy phép và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và các quy định pháp luật hiện hành. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất.

5. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi của cơ sở (nếu có).

6. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật được nêu tại Giấy phép môi trường này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra./

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**